

THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. MARPOL 73/78 (ÁN PHẨM HỢP NHẤT , 2004 – ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM BIÊN DỊCH) PHỤ LỤC 4 NGĂN NGỪA Ô NHIỄM DO NƯỚC THẢI TỪ TÀU

Quy định 7 .b Trên tàu có thiết bị xử lý nước thải đã được chính quyền hành chính cấp giấy chứng nhận nêu rõ thiết bị đó thỏa mãn các yêu cầu khai thác nêu trong mục (1) (a) (I) của quy định 3 phụ lục này , và

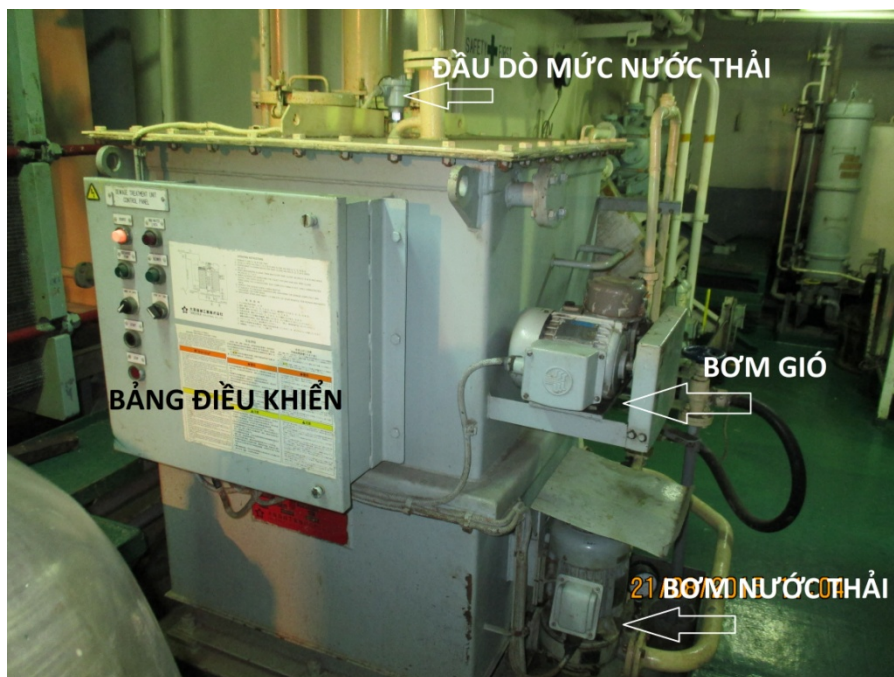
Quy định 7 .b .i Kết quả thử thiết bị được ghi vào giấy chứng nhận Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải (1973) đã được cấp cho tàu .

Quy định 7 .b .ii Ngoài ra , việc xả không làm xuất hiện các vật rắn nổi nhìn thấy được và không làm thay đổi màu nước xung quanh .

2. YÊU CẦU

Hệ thống được kiểm tra hàng năm bởi chính quyền tàu treo cờ . PSC thường chú trọng kiểm tra hệ thống khi kiểm tra tàu . Sĩ quan máy luôn đặt hệ thống trong trạng thái hoạt động để phát hiện sớm các khiếm khuyết phát sinh và khắc phục .

3. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG



Hệ thống xử lý nước thải sử dụng cảm biến hoạt động theo nguyên lý điện dung .

3.1 Bảng điều khiển

- L1 : Đèn báo nguồn
- L2 : Đèn báo bơm nước thải chạy
- L3 : Đèn báo bơm gió chạy
- L4 : Đèn báo mức nước thải cao
- COS1 : Công tắc khống chế chạy AUTO / MANU
- COS2 : Công tắc khống chế bơm gió
- PB1 : Nút ấn khởi động
- PB2 : Nút ấn dừng

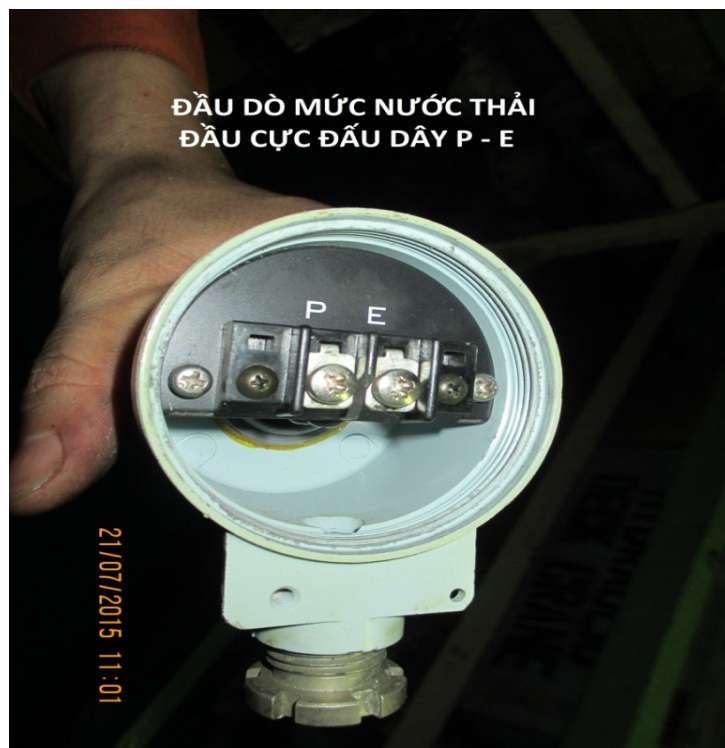
Hai chế độ khống chế bơm nước thải :

- Bằng tay , Chuyển COS1 sang MANU . Điều khiển bơm chạy và tắt bằng nút ấn : PB1 , PB2
- Tự động , Chuyển COS1 sang AUTO . Điều khiển bơm chạy và tắt tự động . Cảm biến & bộ khống chế mức chất lỏng tham gia vào việc điều khiển tự động .



3.2 Nhận biết trạng thái hoạt động của hệ thống qua các đèn trên bộ không chế mức nước .:

- Bơm dừng : Đèn L sáng .
- Bơm Chạy : Đèn L & H sáng
- Báo động : Đèn L & H & HH sáng,



3.3 Giá trị điện áp một chiều trên cực P – E của đầu dò khi mức chất lỏng thay đổi :

- Khi không có đèn nào sáng : DC 15 V
- Khi đèn L sáng : DC 13.3 V
- Khi đèn L & H sáng : DC 11.7 V
- Khi L & H & HH sáng : DC 8.4 V